

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

BỘ MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 10

TUẦN: 9,10/HK1 (từ 1/11/2021 đến 13/11/2021)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:

- Đọc SGK bài 17 đến bài 20
- Khai thác Tập bản đồ Địa lí 10 các trang: 18,19.

II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:

Chủ đề 6: THỎ NHƯỜNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN

Nội dung 1: THỎ NHƯỜNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SINH VẬT.

(Tiếp theo Bài 17 & 18)

II. CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT (Học sinh tự học)

III. SINH QUYỀN

- *Sinh quyển*: Là quyển chứa toàn bộ các sinh vật sinh sống (gồm thực vật, động vật, vi sinh vật)
- Chiều dày sinh quyển tùy thuộc giới hạn phân bố sinh vật:
 - + Giới hạn phía trên là nơi tiếp giáp tầng ozon của khí quyển (22-25km)
 - + Giới hạn phía dưới xuống tận đáy đại dương (sâu nhất <11km), ở lục địa xuống tới đáy lớp vỏ phong hóa.
- Phạm vi của sinh quyển gồm toàn bộ thủy quyển, phần thấp của khí quyển, lớp phủ thổ nhưỡng, lớp vỏ phong hóa.

IV. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SINH VẬT

Nhân tố	Ảnh hưởng
Khí hậu	- Ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật thông qua nhiệt độ, nước, độ ẩm không khí và ánh sáng: + Nhiệt độ : • Vùng nhiệt đới và xích đạo là nơi phân bố các loài sinh vật ưa nhiệt; những loài sinh vật chịu lạnh phân bố vùng vĩ độ cao và các vùng núi cao. • Nơi có nhiệt độ thích hợp, sinh vật phát triển nhanh và thuận lợi hơn. + Nước và độ ẩm không khí : • Những nơi có điều kiện nhiệt, ẩm và nước thuận lợi là môi trường tốt cho sinh vật phát triển (vùng xích đạo, nhiệt đới ẩm..) • Những nơi khô khan, thiếu nước không thuận lợi cho sinh vật phát triển thì sinh vật nghèo nàn (hoang mạc). + Ánh sáng: Những nơi có đầy đủ ánh sáng là nơi thực vật phát triển tốt, ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự quang hợp của thực vật là nơi phân bố các loài cây ưa sáng.
Đất	Các đặc tính lí, hoá, độ phì của đất ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của thực vật.
Địa hình	- Độ cao, hướng sườn ảnh hưởng đến sự phân bố sinh vật vùng núi. + Độ cao: Khi lên cao, nhiệt độ và độ ẩm thay đổi làm cho thành phần thực vật thay đổi, do đó thực vật phân bố thành các vành đai khác nhau. + Hướng sườn khác nhau thường nhận nhiệt, ẩm, chế độ chiếu sáng khác nhau, do đó ảnh hưởng đến độ cao bắt đầu và kết thúc của các vành đai sinh vật.

Sinh vật	- Động vật có quan hệ với thực vật về nơi cư trú và nguồn thức ăn, do đó thực vật có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố động vật. - Nhiều loài động vật ăn thực vật là thức ăn của động vật ăn thịt, vì vậy các loài động vật ăn thực vật và động vật ăn thịt phải cùng sống trong một môi trường sinh thái nhất định.
Con người	Ảnh hưởng lớn đến phân bố sinh vật. - Tác động tích cực: con người làm thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng, vật nuôi; việc trồng rừng đã làm mở rộng diện tích rừng. - Tác động tiêu cực: con người đã và đang gây nên sự thu hẹp diện tích rừng tự nhiên, làm mất nơi sinh sống và làm tuyệt chủng các loài động thực vật

Nội dung 2: SỰ PHÂN BỐ CỦA SINH VẬT VÀ ĐẤT VÀ TRÊN TRÁI ĐẤT (Bài 19)

1. Sự phân bố sinh vật và đất theo vĩ độ:

- Sự phân bố sinh vật và đất trong tự nhiên chịu ảnh hưởng chủ yếu của khí hậu, vì vậy với mỗi kiểu khí hậu sẽ có kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính tương ứng. Cụ thể:

Môi trường địa lí	Kiểu khí hậu chính	Kiểu thảm thực vật chính	Nhóm đất chính	Phân bố chủ yếu
Đới lạnh	Cận cực lục địa	Đài nguyên	Đài nguyên	Khoảng 65 ⁰ B trở lên rìa Bắc Âu-Á, Bắc Mỹ.
Đới ôn hoà	- Ôn đới lục địa lạnh - Ôn đới hải dương - Ôn đới lục địa (nửa khô hạn) - Cận nhiệt gió mùa - Cận nhiệt địa trung hải. - Cận nhiệt lục địa	- Rừng lá kim - Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp - Thảo nguyên - Rừng cận nhiệt ẩm - Rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt - Hoang mạc và bán hoang mạc	- Pốtôn - Nâu và xám - Đen - Đỏ vàng cận nhiệt ẩm - Đỏ nâu - Xám	- Bắc Âu-Á, Bắc Mỹ - Tây và Trung Âu, Đông Hoa Kỳ - Nội địa Âu-Á, Bắc Mỹ (khoảng vĩ độ 30-50⁰B) - Đông Trung Quốc, Đông Nam Hoa Kỳ - Ven Địa Trung Hải, Tây Hoa Kỳ, Đông và Tây Nam Ôxtrâylia. - Nội địa châu Á, Bắc Phi, Tây Á, nội địa Ôxtrâylia, Tây Nam Phi.
Đới nóng	- Nhiệt đới lục địa - Nhiệt đới gió mùa - Xích đạo	- Xa van - Rừng nhiệt đới ẩm - Rừng xích đạo	- Đỏ, nâu đỏ - Đỏ vàng (feralit) - Đỏ vàng (feralit)	- Trung và Nam Phi, Trung và Nam Mỹ - Nam Á, Đông Nam Á, Trung Phi, Trung và Nam Mỹ.

II. Sự phân bố sinh vật và đất theo độ cao địa hình:

- Các vùng núi khí hậu có sự thay đổi theo độ cao, chính sự thay đổi về nhiệt và ẩm khi lên cao đã tạo nên sự thay đổi của thực vật và đất theo độ cao, tạo nên các vành đai đất và thực vật theo độ cao.

-Ví dụ: xem sơ đồ các vành đai thực vật và đất ở sườn núi phía Tây dãy Cáp-ca (Hình 19.11_SGK, trang 73)

III. BÀI TẬP:

A. TỰ LUẬN:

Chủ đề 6: THỎ NHƯỜNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN

Nội dung 1: THỎ NHƯỜNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SINH VẬT.

Câu 1: Dựa vào *Tập bản đồ Địa lí 10, trang 18 – 19. Em hãy kể tên các nhóm đất ở các vị trí sau đây:*

a. Tại vĩ độ 40⁰B theo thứ tự từ Tây sang Đông trên lục địa Bắc Mỹ:

b. Tại **kinh độ 20°Đ** theo thứ tự từ Bắc xuống Nam trên lục địa Phi:

Nội dung 2: SỰ PHÂN BỐ CỦA SINH VẬT VÀ ĐẤT VÀ TRÊN TRÁI ĐẤT

Câu 1: Dựa vào tập bản đồ địa lý 10 trang 18 và trang 19, hãy kể tên các loại đất chính tại vĩ độ 20°B trên lục địa Á-Âu theo thứ tự từ tây sang đông?

Câu 2: Dựa vào tập bản đồ địa lý 10 trang 18 và trang 19, hãy kể tên các loại đất chính tại kinh độ 140°Đ trên lục địa Châu Ôxtrâyliá theo thứ tự từ bắc xuống nam?

B. TRẮC NGHIỆM:

Chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi dưới đây:

Chủ đề 6: THỎ NHƯỜNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN

Nội dung 1: THỎ NHƯỜNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN.

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SINH VẬT.

Câu 1. Thổ nhưỡng là

- A. lớp vật chất vụn bở trên bề mặt lục địa, được hình thành từ quá trình phong hoá đá.
- B. lớp vật chất tối xốp ở bề mặt lục địa, được đặc trưng bởi độ phì.
- C. lớp vật chất vụn bở, trên đó con người tiến hành các hoạt động trồng trọt.
- D. lớp vật chất tự nhiên, được con người cải tạo và đưa vào sản xuất nông nghiệp.

Câu 2. Độ phì của đất là

- A. khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cho thực vật.
- B. độ tối xốp của đất, trên đó thực vật có thể sinh trưởng và phát triển.
- C. lượng chất hữu cơ trong đất để cung cấp chất dinh dưỡng cho thực vật.
- D. lượng chất vi sinh trong đất.

Câu 3. Các địa quyền (tức là các quyền của Trái Đất) có sự tiếp xúc với thổ nhưỡng quyền là

- A. khí quyền, thạch quyền, sinh quyền, thuỷ quyền.
- B. khí quyền, thạch quyền, sinh quyền.
- C. khí quyền, thạch quyền, thuỷ quyền.
- D. thạch quyền, sinh quyền, thuỷ quyền.

Câu 4. Nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất ở đồng bằng sông Hồng là

- A. đất phù sa ngọt.
- B. đất phèn, đất mặn.
- C. đất xám.
- D. đất cát ven biển.

Câu 5. Ở nước ta, loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là

- A. đất phèn, đất mặn.
- C. đất cát, đất pha cát.
- B. đất feralit.
- D. đất phù sa ngọt.

Câu 6. Ở kiểu khí hậu cận nhiệt lục địa, cây cối hầu như không phát triển, hình thành các hoang mạc, nguyên nhân chủ yếu do

- A. Gió thổi quá mạnh.
- B. Nhiệt độ quá cao
- C. Độ ẩm quá thấp.
- D. Thiếu ánh sáng

Câu 7. Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất

- A. Đất phù sa ngọt.
- B. Đất feralit đồi núi.

C. Đất chua phèn.

D. Đất ngập mặn.

Câu 8. Ảnh hưởng rõ rệt nhất của con người đối với sự phân bố sinh vật thể hiện ở việc

- A. Mở rộng thu hẹp diện tích rừng trên bề mặt trái đất.
- B. Di chuyển giống cây trồng, vật nuôi từ nơi này tới nơi khác.
- C. Làm tuyệt chủng một số loài động vật, thực vật.
- D. Tạo ra một số loài động, thực vật mới trong quá trình lai tạo.

Câu 9. Trong cùng vành đai khí hậu, thường có các thảm thực vật khác nhau, chủ yếu là do

- A. Sự thay đổi nhiệt độ và lượng mưa theo vĩ tuyến.
- B. Sự phân bố địa hình.
- C. Sự khác nhau về chế độ ẩm.
- D. Sự khác nhau về thổ nhưỡng.

Câu 10. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. Nơi tiếp giáp lớp ô dôn của khí quyển (22km).
- B. Đỉnh của tầng đối lưu (ở Xích đạo là 16km, ở cực khoảng 8km).
- C. Đỉnh của tầng bình lưu (50km).
- D. Đỉnh của tầng giữa (80km).

Câu 11. Giới hạn phía dưới của sinh quyển là

- A. Tối thêm lục địa (ở đại dương) và hết lớp vỏ lục địa.
- B. Tối thêm lục địa (ở đại dương) và hết lớp vỏ phong hoá (trên lục địa).
- C. Tối đáy đại dương và hết lớp vỏ phong hoá (trên lục địa).
- D. Tối đáy đại dương và hết lớp vỏ lục địa.

Câu 12. Giới hạn của sinh quyển bao gồm toàn bộ các địa quyển nào dưới đây?

- A. Khí quyển và thuỷ quyển.
- B. Thuỷ quyển và thạch quyển.
- C. Thuỷ quyển và thổ nhưỡng quyển.
- D. Thạch quyển và thổ nhưỡng quyển.

Câu 13. Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật, chủ yếu thông qua các yếu tố

- A. Gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng,
- B. Nhiệt độ, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.
- C. Khí áp, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng,
- D. Khí áp, gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.

Câu 14. Trong các kiểu (hoặc đới) khí hậu dưới đây, kiểu (hoặc đới) nào có điều kiện khí hậu thuận lợi nhất cho cây cối sinh trưởng và phát triển?

- A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- B. Khí hậu xích đạo.
- C. Khí hậu cận nhiệt gió mùa.
- D. Khí hậu ôn đới lục địa.

Câu 15. Dựa vào hình 18-Sách giáo khoa trang 67, các vành đai thực vật ở núi An-pơ, lần lượt từ thấp lên cao là:

- A. Cỏ và cây bụi, đồng cỏ núi cao, rừng hỗn hợp, rừng lá kim.
- B. Rừng lá kim, rừng hỗn hợp, đồng cỏ núi cao, cỏ và cây bụi.
- C. Rừng hỗn hợp, rừng lá kim, cỏ và cây bụi, đồng cỏ núi cao.
- D. Cỏ và cây bụi, rừng hỗn hợp, rừng lá kim, đồng cỏ núi cao.

Câu 16. Trong những nhân tố tự nhiên, nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố của sinh vật là

- A. Khí hậu.
- B. Đất.
- C. Bản thân sinh vật.
- D. Địa hình.

Câu 17. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

- A. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật.
- B. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
- C. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
- D. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.

Nội dung 2: SỰ PHÂN BỐ CỦA SINH VẬT VÀ ĐẤT VÀ TRÊN TRÁI ĐẤT

Câu 1: Khí hậu nhiệt đới gió mùa, có kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính

- A. rừng lá rộng và rừng hỗn hợp; đất nâu và xám.
- B. rừng nhiệt đới ẩm; đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm.
- C. rừng cận nhiệt ẩm; đất đỏ, nâu đỏ.
- D. rừng nhiệt đới ẩm; đất đỏ vàng (feralit).

Câu 2: Dựa vào hình 19.1 và 19.2 trong SGK, cho biết khu vực Đông Nam Á có các kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính nào?

- A. rừng cận nhiệt ẩm- đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm.
- B. rừng nhiệt đới, xích đạo- đất đỏ, nâu đỏ xavan.
- C. rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt- đất pôtdôn.
- D. rừng nhiệt đới, xích đạo- đất đỏ vàng (feralit) hoặc đất đen nhiệt đới.

Câu 3: Phân bố của các thảm thực vật trên trái đất thể hiện rõ ở sự thay đổi theo

- A. độ cao và hướng sườn của địa hình.
- B. vị trí gần hay xa đại dương.
- C. vĩ độ và độ cao địa hình.
- D. các dạng địa hình (đồi núi, cao nguyên ,...)

Câu 4: Nhóm đất Feralit thường có ở kiểu khí hậu chính là

- A. ôn đới lục địa.
- C. ôn đới hải dương.
- B. xích đạo và nhiệt đới gió mùa.
- D. cận nhiệt lục địa.

Câu 5: Dựa vào tập bản đồ địa lý 10 trang 18-19, vùng khí hậu cận nhiệt địa trung hải có kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính nào?

- A. Thảo nguyên và đất đen.
- B. Rừng và cây bụi lá cứng và đất đỏ nâu.
- C. Hoang mạc và bán hoang mạc và đất xám.
- D. Rừng nhiệt đới ẩm và đất đỏ vàng (feralit).

Câu 6: Khí hậu ôn đới lục địa có kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính nào?

- A. Rừng lá kim và đất pôtdôn.
- B. Thảo nguyên và đất đen.
- C. Rừng cận nhiệt ẩm và đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm.
- D. Xavan và đất đỏ, nâu đỏ.

Câu 7: Khí hậu ôn đới hải dương có kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính nào?

- A. Rừng lá kim; đất pôtdôn.
- B. Thảo nguyên; đất đen.
- C. Rừng lá rộng và rừng hỗn hợp; đất nâu và xám.
- D. Rừng cận nhiệt ẩm; đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm.

Câu 8: Khí hậu cận cực lục địa có kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính nào ?

- A. Thảm thực vật đài nguyên; đất đài nguyên.
- B. Rừng lá kim; đất pôtdôn.
- C. Thảo nguyên; đất đen.
- D. Hoang mạc và bán hoang mạc; đất xám.

Câu 9: Dựa vào hình 19.1 và 19.2 trong SGK, cho biết khu vực ven chí tuyến ở Bắc Phi có kiểu thảm thực vật và nhóm đất chính nào?

- A. Rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt; đất đỏ nâu rừng và cây bụi lá cứng.
- B. Hoang mạc, bán hoang mạc; đất xám hoang mạc, bán hoang mạc.
- C. Xavan, cây bụi; đất đỏ, nâu đỏ xavan.
- D. Rừng nhiệt đới, xích đạo; đất đỏ vàng (feralit) hoặc đất đen nhiệt đới.

Câu 10: Dựa vào hình 19.1 và 19.2 trong SGK, cho biết đại bộ phận thảm thực vật đài nguyên và đất đài nguyên phân bố trong phạm vi những vĩ tuyến nào.

- A. Từ chí tuyến Bắc ($23^{\circ}27'N$) lên vòng cực Bắc ($66^{\circ}33'N$).
- B. Từ chí tuyến Nam ($23^{\circ}27'S$) lên vòng cực Nam ($66^{\circ}33'S$).
- C. Từ vòng cực Bắc ($66^{\circ}33'N$) lên cực Bắc ($90^{\circ}N$).
- D. Từ vòng cực Nam ($66^{\circ}33'S$) lên cực Nam ($90^{\circ}S$).

Câu 11: Trong vùng ôn đới chủ yếu có các kiểu thảm thực vật:

- A. thảo nguyên, rừng cận nhiệt ẩm, rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.
- B. rừng lá rộng và rừng hỗn hợp, thảo nguyên, hoang mạc và bán hoang mạc.

C. rừng lá kim, thảo nguyên, rừng cận nhiệt ẩm.

D. rừng lá kim, rừng lá rộng và rừng hỗn hợp, thảo nguyên.

Câu 12. Dựa vào hình 19.11, ở sườn Tây dãy Cap-ca, vành đai rừng lá kim và đất pôtdôn núi nằm ở độ cao

A. từ 0m đến 500m.

B. từ 500m đến 1200m.

C. từ 1200m đến 1600m.

D. từ 1600m đến 2000m.

Câu 13. Dựa vào hình 19.11, ở sườn Tây dãy Cap-ca, lần lượt từ chân núi lên đỉnh là các vành đai thực vật:

A. rừng hỗn hợp, rừng lá kim, đồng cỏ núi, địa y và cây bụi, băng tuyết.

B. rừng lá rộng cận nhiệt, rừng hỗn hợp, rừng lá kim, đồng cỏ núi, địa y và cây bụi.

C. rừng lá rộng cận nhiệt, rừng hỗn hợp, rừng lá kim, đồng cỏ núi, địa y và cây bụi, băng tuyết.

D. rừng lá rộng cận nhiệt, rừng lá kim, rừng hỗn hợp, địa y và cây bụi, đồng cỏ núi.

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

- Đọc SGK: bài 20, 21, 22 & 23.

V. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

A. TỰ LUẬN:

Chủ đề 6: **THỎ NHƯỞNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN**

Nội dung 1: **THỎ NHƯỞNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN.**

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SINH VẬT.

(Bài 17&18)

Câu 1: Dựa vào Tập bản đồ Địa lí 10, trang 18 – 19. Em hãy kể tên các nhóm đất ở các vị trí sau đây:

- Tại vĩ độ 40°B theo thứ tự từ Tây sang Đông trên lục địa Bắc Mỹ: đất nâu rừng lá rộng ôn đới, đất đỏ nâu rừng và cây bụi lá cứng, đất xám hoang mạc và bán hoang mạc, đất nâu rừng lá rộng ôn đới, đất hạt dẻ, đất đen thảo nguyên ôn đới, đất nâu rừng lá rộng ôn đới.
- Tại kinh độ 20°Đ theo thứ tự từ Bắc xuống Nam trên lục địa Phi: đất xám hoang mạc và bán hoang mạc, đất xa van, đất đen và xám nhiệt đới, đất xa van, đất đỏ vàng – feralit nhiệt đới ẩm và xích đạo, đất phù sa, đất đỏ vàng – feralit nhiệt đới ẩm và xích đạo, đất xa van, đất xám hoang mạc và bán hoang mạc.

Nội dung 2: **SỰ PHÂN BỐ CỦA SINH VẬT VÀ ĐẤT VÀ TRÊN TRÁI ĐẤT**

(Bài 19)

Câu 1: Dựa vào tập bản đồ địa lý 10 trang 18 và trang 19, hãy kể tên các loại đất chính tại vĩ độ 20°B trên lục địa Á-Âu theo thứ tự từ tây sang đông?

- Đất đỏ nâu rừng và cây bụi lá cứng, đất xám hoang mạc và bán hoang mạc, đất đỏ vàng - feralit nhiệt đới ẩm xích đạo, đất đen và xám nhiệt đới, đất đỏ vàng - feralit nhiệt đới ẩm xích đạo, đất đỏ cận nhiệt đới ẩm.

Câu 2: Dựa vào tập bản đồ địa lý 10 trang 18 và trang 19, hãy kể tên các loại đất chính tại kinh độ 140°Đ trên lục địa Châu Ôxtrâyliia theo thứ tự từ bắc xuống nam?

- Đất đỏ vàng - feralit nhiệt đới ẩm xích đạo, đất đen và xám nhiệt đới, đất xám hoang mạc-bán hoang mạc, đất đỏ nâu rừng cây bụi lá cứng.

B. TRẮC NGHIỆM:

Chủ đề 6: **THỎ NHƯỞNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN**

Nội dung 1: **THỎ NHƯỞNG QUYỀN VÀ SINH QUYỀN.**

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ SINH VẬT.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	A	A	B	C	D	B	A	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17			
Đáp án	C	C	B	B	C	A	A			

Nội dung 2: **SỰ PHÂN BỐ CỦA SINH VẬT VÀ ĐẤT VÀ TRÊN TRÁI ĐẤT**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	D	C	B	B	A	C	A	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	C	B							

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.